

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 12 - 2024

V/v: Xác định cha cho con.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Phụng
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 29/11/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị Quỳnh N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Kiến Quan, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở: Thôn Hưng Đạo, xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Anh Phí Văn C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Đinh Văn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị N, anh C, anh T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Quỳnh Như trình bày và có yêu cầu như sau:

Chị và chồng cũ là anh Đinh Văn T, sinh năm 1990, địa chỉ: Xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình kết hôn năm 2015, vì lý do mâu thuẫn nên đã sống ly thân sau đó đã được Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự theo Quyết định số 201/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2022 của Tòa án

nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung là Đinh Bảo N1, sinh ngày 03/6/2016 và Đinh Cẩm A, sinh ngày 28/7/2018, Ngoài ra chị và anh T không có người con chung nào khác.

Trong thời gian chị N và anh T ly thân (ly thân từ năm 2019 đến khi ly hôn tháng 12/2022) chị hoàn toàn không có quan hệ sinh lý với anh T. Thời gian này (khoảng năm 2020) chị có quen biết với anh Phí Văn C, giữa chị và anh C đã phát sinh tình cảm nên có quan hệ sinh lý với nhau. Kết quả là chị N mang thai nhưng chị hoàn toàn không biết nên khi Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, chị N chỉ khai có hai con chung với anh T và tự khai không có thai nghén gì. Sau khi ly hôn anh T xong, cuối tháng 12/2022 chị có đi khám và lúc này chị mới biết mình có thai với anh C. Đến ngày 18/4/2023, chị sinh 01 bé gái, theo Giấy chứng sinh số 23004049 ngày 18/4/2023 của Bệnh viện P1, có tên dự kiến đặt là Phí Trịnh Thảo M. Ngày 19/12/2023 chị và anh C đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102.

Từ khi cháu P Trịnh Thảo M được sinh ra cho đến nay, chị N vẫn chưa thể làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu nên cháu không làm được bảo hiểm để chữa bệnh. Do đó chị N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xác định anh Phí Văn C là cha đẻ của bé gái do chị sinh ra ngày 18/4/2023 tại Bệnh viện P1, tên dự kiến đặt là Phí Trịnh Thảo M để chị làm giấy khai sinh cũng như giải quyết quyền lợi về mọi mặt cho con.

Về kết quả phân tích ADN giữa chị với cháu Phí Trịnh Thảo M và giữa anh Phí Văn C với cháu Phí Trịnh Thảo M của Công ty cổ phần D ngày 22/11/2024 theo Quyết định trưng cầu giám định số 03/2024/QĐ-TCGD của TAND thành phố Thái Bình ngày 15/11/2024, chị N hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Phí Văn Công trình B:

Anh và chị Trịnh Thị Quỳnh N quen biết, phát sinh tình cảm và đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2023 tại UBND xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Trước khi anh chị kết hôn, anh được biết chị N2 có 01 đời chồng là anh Đinh Văn T, quê ở huyện H, tỉnh Thái Bình và có 02 người con chung với anh T. Trong thời gian chị N, anh T có mâu thuẫn và sống ly thân, anh đã quen biết và có quan hệ sinh lý với chị N. Đầu tháng 12/2022, Tòa án đã giải quyết cho chị N và anh T ly hôn. Cuối tháng 12/2022 chị N mới phát hiện có thai và thông báo cho anh biết.

Đến ngày 18/4/2023 thì chị N sinh 01 bé gái, theo Giấy chứng sinh số 23004049 ngày 18/4/2023 của Bệnh viện P1, có tên dự kiến đặt là Phí Trịnh Thảo M. Tháng 12/2023 anh và chị N2 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V,

thành phố T, tỉnh Thái Bình và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102. Từ khi cháu P Trịnh Thảo M được sinh ra cho đến nay, anh chị vẫn chưa thể làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu nên cháu không làm được bảo hiểm để chữa bệnh. Do đó nay chị Như đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xác định anh (Phí Văn C) là cha đẻ của bé gái do chị N sinh ra ngày 18/4/2023 tại Bệnh viện P1, dự kiến đặt tên là Phí Trịnh Thảo M quan điểm của anh C là đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật và kết quả giám định ADN để giải quyết.

Về kết quả phân tích ADN giữa anh với cháu Thảo M và giữa chị N với cháu Thảo M của Công ty cổ phần D ngày 22/11/2024 theo Quyết định trưng cầu giám định số 03/2024/QĐ-TCGD của TAND thành phố Thái Bình ngày 15/11/2024, anh C nhất trí, không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Đinh Văn T trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị Trịnh Thị Quỳnh N về thời gian kết hôn, ly hôn, về quan hệ con chung. Anh khẳng định bé gái do chị N sinh vào ngày 18/4/2023 tại Bệnh viện P1 không phải là con chung của anh với chị N vì anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2019 đến khi ly hôn tháng 12/2022. Trong thời gian ly thân, anh hoàn toàn không có quan hệ sinh lý với chị N, chị N như qua lại với ai, có thai với ai, anh không biết, chị N cũng không nói. Thời điểm giải quyết ly hôn (tháng 12/2022) chị N khẳng định là không có thai nghén gì. Nay chị N yêu cầu Tòa án xác định cha cho con đối với bé gái nêu trên, anh đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trưng cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống cha mẹ con giữa anh C, chị N và cháu bé có tên dự kiến đặt là Phí Trịnh Thảo M. Kết quả giám định: Chị Trịnh Thị Quỳnh N có quan hệ huyết thống mẹ - con, anh Phí Văn C có quan hệ huyết thống cha - con với cháu bé (tên dự kiến đặt là Phí Trịnh Thảo M) do chị N sinh ngày 18/4/2023, theo Giấy chứng sinh số 23004049 ngày 18/4/2023 của Bệnh viện P1.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình. Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự. Về nội dung, đề nghị áp dụng Điều 88; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; Về án phí, áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị miễn án phí xác định cha cho con chưa thành niên cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị Quỳnh N yêu cầu xác định anh Phí Văn C là bố đẻ của con do chị sinh ra, căn cứ vào khoản 4 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp xác định cha cho con. Anh C có nơi cư trú tại xã V, thành phố T nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình có thẩm quyền giải quyết. Cả nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Trịnh Thị Quỳnh N về việc xác định anh Phí Văn C là cha của bé gái do chị sinh ngày 18/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 23004049 ngày 18/4/2023 của Bệnh viện P1, có tên dự kiến đặt là Phí Trịnh Thảo M1:

Các tài liệu có trong hồ sơ và qua lời khai của các đương sự thể hiện chị Trịnh Thị Quỳnh N và anh Đinh Văn T là vợ chồng từ năm 2015 đến ngày 07/12/2022. Tại Quyết định số 201/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị. Về con chung: chị N, anh T thống nhất khai chỉ có 02 con chung là Đinh Bảo N1, sinh ngày 03/6/2016 và Đinh Cẩm A, sinh ngày 28/7/2018, ngoài ra không có người con chung nào khác, Tòa án đã công nhận sự thỏa thuận của chị N, anh T về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Chị N còn khẳng định tại thời điểm đó chị không có thai nghén gì.

T1 tếcho thấy chị Như đã mang thai trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh T và sinh cháu bé (tên dự kiến đặt là Phí Trịnh Thảo M) sau khi ly hôn với anh T. Theo quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình thì lẽ ra cháu bé này phải được xác định là con chung của chị N và anh T. Tuy nhiên, chị N khẳng định cháu bé không phải là con của chị và anh T vì trong thời gian ly thân, chưa ly hôn với anh T, chị đã phát sinh tình cảm và có quan hệ sinh lý với anh Phí Văn C và xác định cháu bé là con anh C, chứ không phải con của anh T. Anh C cũng có lời khai cơ bản phù hợp với chị N về thời điểm anh chị phát sinh tình cảm, chị N mang thai và sinh con. Bản thân anh T cũng khẳng định cháu bé do chị N sinh vào ngày 18/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 23004049 ngày 18/4/2023 của Bệnh viện P1, có tên dự kiến đặt là Phí Trịnh Thảo M2 phải là con của anh T2 anh không có quan hệ sinh lý với chị N trong thời gian vợ chồng ly thân, còn cháu bé là con của ai anh không biết, đề nghị Tòa án xác định.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 22/11/2024 do Công ty cổ phần D thực hiện theo theo Quyết định trưng cầu giám định số 03/2024/QĐ-TCGD của

Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình ngày 15/11/2024 thể hiện: Chị Trịnh Thị Quỳnh N có quan hệ huyết thống mẹ - con, anh Phí Văn C có quan hệ huyết thống cha - con với cháu bé (tên dự kiến đặt là Phí Trịnh Thảo M) do chị N sinh ngày 18/4/2023 tại Bệnh viện P1. Như vậy, lời khai của chị N phù hợp với lời khai của anh C, phù hợp với lời khai của anh T và được chứng minh bằng kết quả phân tích ADN xác định huyết thống. Do đó yêu cầu của chị N xác định anh Phí Văn C là cha của bé gái do chị sinh ngày 18/4/2023 là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N.

[4] Về án phí: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, tiền án phí, các đương sự trong vụ án được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với việc xác định cha mẹ cho con chưa thành niên.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 88; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, tiền án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Quỳnh N, xác định anh Phí Văn C là cha đẻ của bé gái do chị Trịnh Thị Quỳnh N sinh ngày 18/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 23004049 ngày 18/4/2023 của Bệnh viện P1, có tên dự kiến đặt là Phí Trịnh Thảo M.

Chị Trịnh Thị Quỳnh N, anh Phí Văn C được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục về hộ tịch cho bé gái do chị N sinh ra ngày 18/4/2023 theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND Tp. Thái Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS Tp. Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Lê Thị Phụng